

Phần 1: Lý thuyết, giải thích và ví dụ**1.1 Danh từ số nhiều là gì?**

Danh từ số nhiều là cách chúng ta nói về nhiều hơn một người, một vật, một nơi hoặc một ý tưởng.

- **Số ít:** chỉ một (vd: "book" - quyển sách).
- **Số nhiều:** chỉ từ hai trở lên (vd: "books" - những quyển sách).

1.2 Các quy tắc thêm "số nhiều"

Thầy sẽ chia sẻ cách để nhớ để các em không bị nhầm lẫn nhé:

1. Danh từ số nhiều thường (Regular Plural Nouns)

- **Thêm -s** vào hầu hết các danh từ:
(cat → cats - con mèo → những con mèo)
(car → cars - xe hơi → những chiếc xe hơi)
- **Thêm -es** nếu danh từ kết thúc bằng **-o, -s, -ch, -x, -sh, -z**:
(bus → buses - xe buýt → những chiếc xe buýt)
(box → boxes - cái hộp → những cái hộp)

Các em có thể nhầm câu "Ông Sáu Chạy Xe SH Zôm" để cho dễ nhớ.

2. Danh từ bất quy tắc (Irregular Plural Nouns)

Đây là nhóm cần ghi nhớ, vì không theo quy tắc cố định:

- Thay đổi nguyên âm: (man → men - người đàn ông → những người đàn ông)
- Thêm **-en**: (child → children - đứa trẻ → những đứa trẻ)
- Không thay đổi gì: (sheep → sheep - con cừu → những con cừu)

3. Danh từ kết thúc bằng -y

- Nếu trước **-y** là một **phụ âm**, đổi **-y** thành **-ies**:
(baby → babies - em bé → những em bé)
- Nếu trước **-y** là một **nguyên âm**, chỉ thêm **-s**:
(key → keys - chìa khóa → những chìa khóa)

Thầy Tuấn đã tổng hợp ra 20 danh từ bất quy tắc quan trọng nhất, các em cố gắng ghi nhớ nha!

poc.edu.vn - Toà NO6-B1, đường Thành Thái, Cầu Giấy
0965.729.973 - Facebook.com/anhtuan1212

1. **man** → **men** (người đàn ông → những người đàn ông)
2. **woman** → **women** (người phụ nữ → những người phụ nữ)
3. **child** → **children** (đứa trẻ → những đứa trẻ)
4. **foot** → **feet** (bàn chân → những bàn chân)
5. **tooth** → **teeth** (răng → những chiếc răng)
6. **mouse** → **mice** (con chuột → những con chuột)
7. **goose** → **geese** (con ngỗng → những con ngỗng)
8. **person** → **people** (người → mọi người)
9. **fish** → **fish** (con cá → những con cá)
10. **sheep** → **sheep** (con cừu → những con cừu)
11. **deer** → **deer** (con nai → những con nai)
12. **ox** → **oxen** (con bò đực → những con bò đực)
13. **cactus** → **cacti** (cây xương rồng → những cây xương rồng)
14. **crisis** → **crises** (cuộc khủng hoảng → những cuộc khủng hoảng)
15. **phenomenon** → **phenomena** (hiện tượng → những hiện tượng)
16. **datum** → **data** (dữ liệu → các dữ liệu)
17. **louse** → **lice** (con chấy → những con chấy)
18. **series** → **series** (chuỗi, loạt → các chuỗi, loạt)
19. **species** → **species** (loài → các loài)
20. **aircraft** → **aircraft** (máy bay → những máy bay)

Phần 2: Bài tập**Ex1. Give the Correct Plural Forms**

Singular	Plural
1. man	_____
2. woman	_____
3. child	_____
4. tooth	_____
5. goose	_____
6. mouse	_____
7. foot	_____
8. cactus	_____

Singular**Plural**

9. fish _____
10. deer _____

Ex2. Choose the Correct One

11. There are many _____ in the garden.
- ☐ a. butterfly
 - ☐ b. butterflies
12. The _____ are eating grass in the field.
- ☐ a. sheeps
 - ☐ b. sheep
13. The _____ is broken.
- ☐ a. glasses
 - ☐ b. glass
14. There are three _____ on the table.
- ☐ a. books
 - ☐ b. book
15. The _____ are playing outside.
- ☐ a. childs
 - ☐ b. children
16. Choose the correct form:
- ☐ There are many _____ on the wall.
 - ☐ a. photoes
 - ☐ b. photos
17. These _____ are delicious.
- ☐ a. apples
 - ☐ b. apple
18. Which is correct?
- ☐ a. I saw three mouses in the house.
 - ☐ b. I saw three mice in the house.
19. There are _____ in the basket.

- ☐ a. berries
 - ☐ b. berrys
20. The _____ are flying in the sky.
- ☐ a. birds
 - ☐ b. bird

Ex3. Fill in the Gap with the Correct Noun Form

21. There are three _____ in the room. (chair)
22. The _____ are barking loudly. (dog)
23. I saw some _____ in the garden. (butterfly)
24. The _____ are very heavy. (box)
25. The _____ are grazing in the field. (sheep)
26. He brushed his _____. (tooth)
27. The _____ are playing in the park. (child)
28. The _____ are working in the field. (ox)
29. The _____ we studied were very interesting. (phenomenon)
30. I saw a group of _____ crossing the river. (deer)

HỌC GIỎI - NÓI HAY